TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIÁ RAI** TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 02 năm 2021
V/v: *"tranh chấp ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Quốc Khởi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Đèo** – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 558/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Danh Thị Trúc L** – sinh năm: 1979

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã G R,, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: anh **Hữu Th** – sinh năm: 1976

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã G R, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu được xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Danh Thị Trúc L trình bày theo đơn khởi kiện và lời khai:***

Về hôn nhân: chị L và anh Th sống chung vợ chồng với nhau vào năm 1997, khi về sống chung vợ chồng do tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh Th không hợp nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không còn sống chung vợ chồng với nhau hơn từ năm 2016 cho đến nay. Nay, chị L có yêu cầu được ly hôn và không có nguyện vọng hàn gắn hôn nhân.

- Về con chung: chị L và anh Th có một người con chung tên Hữu Thoại – sinh ngày: 17/7/1998. Do con chung đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nuôi bản thân nên chị L không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Hữu Th trình bày theo lời khai:

- Về hôn nhân: anh Th thống nhất với chị L về thời gian sống chung vợ chồng, không có đăng ký kết hôn và lý do mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Nay chị L có yêu cầu được ly hôn với anh Th, anh Th đồng ý ly hôn và không có nguyện vọng được hàn gắn hôn nhân.

- Về con chung: anh Th thống nhất với lời trình bày của chị L là có một người con chung. Do con chung đã thành niên nên anh Th cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Diễn biến tại phiên tòa thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân gia đình 2014, nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc Hội.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Danh Thị Trúc L và anh Hữu Th là vợ chồng.

- Về con chung và tài sản: do chị L và anh Th không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Danh Thị Trúc L có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Hữu Th. Anh Th có địa chỉ tại Khóm A, phường A, thị xã G R, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về tố tụng: do chị L và anh Th cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Th theo quy định.

3. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: chị L và anh Th thống nhất sống chung vợ chồng với nhau vào năm 1997, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh Th có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị L có yêu cầu được ly hôn với anh Th và anh Th cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy, giữa chị L và anh Th đồng ý ly hôn nhau nhưng theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng". Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân – gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Danh Thị Trúc L và anh Hữu Th

Về con chung: chị L và anh Th thống nhất có 01 người con chung tên Hữu Th – sinh ngày: 17/7/1998. Do con chung đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nuôi bản thân nên chị L và anh Th không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị L và anh Th không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: chị Danh Thị Trúc L phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Xét quan điểm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về "định mức thu, miễn, giảm, thu, nôp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016;

- Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Danh Thị Trúc L và anh Hữu Th.

2. Về con chung và tài sản: Danh Thị Trúc L và anh Hữu Th không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: chị Danh Thị Trúc L phải chịu với số tiền 300.000 đồng, chị L đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002173 ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Th không phải nộp án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- THA dân sự thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Quốc Khởi